

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Bản án số: 128/2018/HS-PT

Ngày: 25 - 9 - 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Minh Tường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Lộc,
Ông Tôn Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Ái Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 107/2018/TLPT-HS ngày 10 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo Nguyễn Quốc P, do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 110/2018/HS-ST ngày 10/7/2018 của Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2018/QĐXXPT-HS ngày 10/9/2018. Bị cáo có kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Quốc P (Tên gọi khác: R). Sinh năm 1994, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú hiện nay: Đường N, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con của ông Nguyễn Q và con bà Lê Thị Ngọc M; Gia đình có 04 anh em ruột, bị cáo là con thứ tư; Có vợ là Đỗ Thị C và có 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/02/2018, chuyển tạm giam từ ngày 03/3/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 28/02/2018, Nguyễn Quốc P điều khiển xe mô tô chở vợ mình là chị Đỗ Thị C từ nhà mẹ ruột của C là Trần Thị T lên thành phố H để lo đám tang cho bà nội của P. Khi đi ngang qua nhà mẹ ruột mình là bà Lê Thị Ngọc M thì P cùng vợ ghé vào nhà có việc riêng. Lúc này, trong nhà không có ai, nên P lấy chìa khóa nhà mình đang giữ mở cửa chính, đi vào bên trong, thì thấy trên bàn phòng khách có để 01 cái tuốc nơ vít. P đã nảy sinh ý định cạy phá cửa, đột nhập vào phòng ngủ của mẹ mình để lấy trộm tiền tiêu xài cá nhân. Khi vừa vào nhà, chị C đã lên thẳng tầng 02 để đi vệ sinh. Thấy vậy, P liền lấy tuốc nơ vít cạy cửa phòng ngủ của bà M. Một lúc sau, chị C đi xuống, thấy P đang cạy cửa phòng, liền can ngăn, nên P dừng lại. Ngay lúc này, có bà Lê Thị Kim L (là em dâu của bà M) ở nhà bên cạnh đi sang gọi, nên chị C đi ra ngoài đứng nói chuyện với bà L. Sợ bị phát hiện, nên P đi ra đóng cửa chính nhà lại, rồi quay vào tiếp tục cạy móc khóa cửa, đột nhập vào trong phòng ngủ của bà M, dùng 01 chìa khóa mở tủ thì thấy có 01 túi nilon màu xanh, bên trong để nhiều cọc tiền. Nguyễn Quốc P đã lén lút lấy tổng số tiền là 78.100.000 đồng. Sau đó, P ra khóa cửa, lấy xe chở chị C đi trên đường đi, thấy P không chở mình vào nhà bà nội lo đám tang như dự định, nên chị C nghi ngờ và hỏi P: “Có vào phòng mẹ lấy tiền à”?, P trả lời “Ừ, có vào lấy tiền”. Nghe vậy, chị C liền khuyên P đưa tiền về trả lại cho mẹ, nhưng P không nghe. Do nhà có đám tang, sợ ảnh hưởng đến 02 con nhỏ, nên P chở chị C về nhà bà T đón 02 con để lên thành phố Huế thuê nhà nghỉ ở. Trên đường đi, P gọi điện thoại cho bà T và chị Đỗ Thị H (H là em ruột của C) đến gặp nhau tại quán bún trên đường tránh thành phố Huế. Tại đây, P đưa cho chị H số tiền 10.000.000 đồng, nhờ mang đi chuộc xe mô tô cho P cầm cố trước đó. Sau khi ăn bún xong, P chở chị C cùng 02 con về thuê nhà nghỉ “Gia Bảo” ở tổ 11, khu vực 4, phường An Cựu, thành phố H ở lại. Khoảng 30 phút sau, P tiếp tục gọi điện thoại cho chị H hỏi đang ở đâu, chị H trả lời là đang ở chợ An Cựu (lúc này, chị H chưa chuộc được xe cho P). Nghe vậy, P nhờ chị H lấy số tiền do P đưa chuộc xe trước đó đến tiệm vàng “Hong Ngọc” ở chợ An Cựu để chuộc 01 chiếc nhẫn và 05 vòng đeo tay mà P cầm cố trước đó, hết số tiền 7.400.000 đồng. Sau khi chuộc lại tài sản, H chở bà T về nhà nghỉ “Gia Bảo”. Tại đây, P nhờ chị H giữ lại số nữ trang vừa chuộc để cất giùm, rồi tiếp tục đưa cho chị H thêm 7.000.000 đồng để nhờ chuộc xe mô tô; đưa cho bà T số tiền 1.000.000 đồng để nhờ mua một số vật dụng và thức uống cho hai con của P. Chị H chở bà T ra về được một lúc thì P bị Cơ quan điều tra phát hiện, bắt giữ cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ, gồm:

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, số tiền 61.100.000 đồng. Trong đó: Tiền thu giữ trong người của Nguyễn Quốc P số tiền 60.100.000 đồng; tiền do bà Trần Thị T giao nộp là 1.000.000 đồng.

- 01 (một) cái tuốc nơ vít dài 30 cm; cán bằng nhựa; phần đầu bằng kim loại hình lục giác; mũi 04 châu dài 19cm;

- 01 (một) cái chìa khóa bằng kim loại.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại số tiền 61.100.000 đồng cho bà Lê Thị Ngọc M. Các vật chứng còn lại cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm cho việc xét xử và thi hành án.

- Chị Đỗ Thị H đã tự nguyện trả lại cho bà M 17.000.000 đồng mà P đã đưa để chuộc lại tài sản.

Sau khi bà Lê Thị Ngọc M nhận lại toàn bộ số tiền nêu trên và không có yêu cầu gì thêm; đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Quốc P.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 110/2018/HSST ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc P 02 năm 06 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, là ngày 28/02/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 16/7/2018, bị cáo Nguyễn Quốc P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh có Quyết định kháng nghị 1396/QĐ-VKS, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 54 để sửa mức án đối với bị cáo Nguyễn Quốc P dưới mức thấp nhất khung hình phạt mà bị cáo phạm phải.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cho rằng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “Bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, chấp nhận kháng nghị và kháng cáo về phần giảm nhẹ hình phạt và xử phạt bị cáo P với mức án từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội cải tạo thành người tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 13 giờ, ngày 28/02/2018, tại nhà mẹ của bị cáo là bà Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Quốc P đã cạy móc khóa cửa, đột nhập vào trong phòng ngủ của bà M, dùng 01 chìa khóa đã chuẩn bị từ trước để mở tủ lấy tiền. Nguyễn Quốc P đã lén lút trộm cắp tổng số tiền là 78.100.000 đồng, đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt là “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng*”. Với hành vi nêu trên, bị cáo P đã

bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thấy rằng:

[2.1] Về và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:

Theo kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh cho rằng bị cáo đã “Khắc phục hậu quả” nhưng quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo là áp dụng thiếu quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù số tiền 78.100.000 đồng mà bị cáo trộm cắp được trả lại cho bà M. Tuy nhiên việc trả lại toàn bộ số tiền nói trên không phải do sự tự nguyện của bị cáo và thực tế khi bắt giữ bị cáo, cơ quan chức năng đã thu giữ trong người bị cáo 60.100.00 đồng, số tiền còn lại do bà T giao nộp 1.000.000 đồng, chị H trả lại số tiền 17.000.000 đồng mà bị cáo nhờ chuộc tài sản. Như vậy toàn bộ số tiền bị mất cắp mà bà M đã nhận lại là do tác động của cơ quan điều tra và người khác trả lại chứ không phải do người phạm tội tự nguyện khắc phục. Điều này cũng được chứng minh trong quá trình điều tra, chị C vợ của bị cáo hai lần khuyên can bị cáo không được lấy tiền của bà M và khi đã lấy thì đề nghị trả lại nhưng bị cáo vẫn không trả mà cố tình chiếm đoạt. Mẹ của bị cáo là bà M sau khi phát hiện bị mất tiền đã biết con mình là bị cáo P lấy trộm, nhưng bà M không gọi cho bị cáo đem tiền về trả lại mà viết đơn trình báo cơ quan Công an đề nghị điều tra làm rõ và xử lý theo pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là “*người phạm tội đã khắc phục hậu quả*” như kháng nghị và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh.

[2.2] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo P là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo có sự chuẩn bị từ trước là làm chìa khóa tủ của bà M với mục đích lấy tiền của bà M. Khi mới bắt đầu chuẩn bị phạm tội chị C vợ của bị cáo thấy bị cáo đang cạy cửa phòng, liền can ngăn, nhưng bị cáo cũng không dừng lại. Sau khi trộm cắp chị C biết được liền khuyên bị cáo đem tiền về trả lại cho bà M, nhưng bị cáo vẫn không nghe. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận về hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nguy hiểm cho xã hội làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, đã được chị C - vợ bị cáo can ngăn, khuyên nhủ nhiều lần nhưng vẫn cố tình thực hiện, do đó, cần xét xử nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã nhận định đầy đủ về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và nhân thân của bị cáo, đã xem xét đầy đủ

các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H để xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là không nặng.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không bổ sung được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 110/2018/HSST ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc P **02** (Hai) năm **06** (Sáu) tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 28/02/2018.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Quốc P phải chịu 200.000 đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TANDTC;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Tỉnh TT Huế;
- TAND tp H;
- VKSND tp H;
- Trại tạm giam tỉnh TTH;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Sở Tư pháp tỉnh TTH
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ; Tòa Hình sự,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

La Minh Tường